TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS - ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Bà Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2024/LST-DS ngày 20/5/2024 về việc tranh chấp "hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2024/QĐXXST–DS ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Phạm Thị Thùy T và ông Hồ Văn L làm chủ hụi. Tháng 02/2024, vợ chồng bà T và ông L tuyên bố vỡ hụi và chốt số tiền hụi còn nợ ông C là 36.930.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C yêu cầu bà T và ông L phải liên đới trả cho ông C số tiền 36.930.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Thùy T trình bày: Bà T thừa nhận có làm chủ hụi và tổ chức nhiều dây hụi cho các hụi viên tham gia. Ông C có tham gia một số dây hụi của bà. Đầu năm 2024, bà tuyên

bố vỡ hụi do không còn khả năng choàng hụi và giao hụi cho các hụi viên. Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà và ông L phải liên đới trả số tiền 36.930.000 đồng, bà chỉ đồng ý một mình bà trả tiền hụi cho ông C do việc tổ chức chơi hụi là việc của cá nhân của bà, không liên quan đến ông L. Trong thời kì hôn nhân với ông L, ông L biết việc bà tổ chức chơi hụi nhưng ông L không biết số tiền là bao nhiêu, những dây hụi nào. Mặt khác, bà và ông L đã ly hôn vào tháng 4/2024. Do đó, ông L không có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ hụi của bà.

Bị đơn ông Hồ Văn L có lời trình bày tại bản tự khai: Ông và bà T ly thân đã lâu, nay đã ly hôn. Ông không còn liên quan đến bà T. Việc tổ chức chơi hụi với bà T, ông không biết. Đồng thời, ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Ông C khởi kiện yêu cầu bà T, ông L có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện Đ phải liên đới trả tiền hụi. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa và quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[2] Về xét xử vắng mặt:

Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung:

Bà T và ông C đều thống nhất về việc ông C có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi và bà T còn nợ ông C số tiền hụi là 36.930.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc bà T phải trả số tiền hụi 36.930.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới: Bà T và ông L đều cho rằng tiền hụi nợ ông C là nợ riêng của bà T, không liên quan đến ông L và hiện ông bà đã ly hôn nên ông L không đồng ý liên đới cùng bà T trả cho ông C số tiền này. Tại phiên tòa, bà T trình bày bà làm chủ hụi từ năm 2014 đến khi tuyên bố vỡ hụi. Ông L thi thoảng có đi gom hụi của các hụi viên về giao cho bà; giao tiền hốt hụi cho hụi viên nhưng mọi việc đều theo sự hướng dẫn của bà. Riêng hụi của ông C, bà T không nhờ ông L gom tiền và ông L hoàn toàn không biết các dây hụi bà tổ chức. Xét thấy, ông

L và bà T là vợ chồng hợp pháp đến ngày 19/4/2024 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 258/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Bà T tuyên bố vỡ hụi từ đầu năm 2024, trong thời kỳ hôn nhân của bà với ông L và việc bà T tổ chức chơi hụi nhằm mục đích phát triển kinh tế và nhu cầu thiết của gia đình. Do đó, ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T thanh toán tiền hụi cho ông C theo quy định tại Điều 37, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông L, bà T phải liên đới trả cho ông C số tiền hụi 36.930.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà T, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông C là 36.930.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 288, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Phạm Thị Thùy T và ông Hồ Văn L.

Buộc bà Phạm Thị Thùy T, ông Hồ Văn L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 36.930.000 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thùy T, ông Hồ Văn L phải liên đới chịu với số tiền 1.846.500 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 923.000đồng (chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tại biên lai số 0004511 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Quốc